TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50 /2018/HNGĐ- ST
Ngày: 14-9-2018
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Chu Thị Minh**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Lê Thị Hường** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ*** *tham gia phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Hồng -** Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 244/2018/TLST- HNGĐ ngày 07/8/2018 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXX-ST ngày 30/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị **Đỗ Thị P**, sinh năm 1991; HKTT: Thôn C, xã Ngọc H, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú hiện nay: Thôn Chúc L, xã Ngọc H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt

Bị đơn*:* Anh **Đào Bá T**, sinh năm 1990; HKTT và nơi cư trú: Thôn C, xã Ngọc H, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Đỗ Thị P trình bày: Tôi và anh Đào Bá T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc H ngày 12/01/2016. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến khi tôi sinh con thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống. Từ tháng 12/2016, tôi về nhà bố mẹ đẻ ở, tôi và anh T ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T

Về con chung: có 01 con chung là cháu Đào Minh Đ, sinh ngày 10/6/2016. Cháu Đ đang ở với tôi. Sau khi ly hôn tôi xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đào Bá T trình bày: Tôi và chị Đỗ Thị P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc H ngày 12/01/2016. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì lớn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Từ tháng 12/2016, chị P đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị P có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ, tôi theo đạo công giáo nên không được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Đào Minh Đ, sinh ngày 10/6/2016. Cháu Đ đang ở với chị P. Do cháu còn nhỏ nên tôi đồng ý để chị P tiếp tục nuôi dưỡng con, khi nào cháu lớn sẽ theo nguyện vọng cháu ở với ai thì tùy cháu.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị P được ly hôn anh T. Con chung: Giao con chung cho chị P nuôi dưỡng. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Đỗ Thị P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Đào Bá T. Hiện anh Đào Bá T đang cư trú tại thôn C, xã Ngọc H, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28,điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị P và anh Đào Bá T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc H ngày 12/01/2016 là hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị P nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Còn theo anh T thì hai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh T không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ và do anh theo đạo công giáo nên không được ly hôn. Tại phiên tòa, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin được ly hôn anh T, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị P và anh T đều xác nhận đã sống ly thân hơn 2 năm. Xét thấy, tình cảm giữa chị P và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P với anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là cháu Đào Minh Đ, sinh ngày 10/6/2016. Chị P có nguyện vọng được nuôi cháu Đ, anh T cũng nhất trí giao con chung cho chị P nuôi do cháu còn nhỏ. Xét thấy, cháu Đ mới 2 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì "con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi". Do đó, trên nguyên tắc bảo vệ phụ nữ và trẻ em, thấy cần thiết giao cho chị P được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đào Minh Đ, sinh ngày 10/6/2016 đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Chị P và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: chị Pphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28;điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị **Đỗ Thị P** được ly hôn anh **Đào Bá T.**

2. Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung: Đào Minh Đ, sinh ngày 10/6/2016.

Chị Đỗ Thị P được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đào Minh Đ, sinh ngày 10/6/2016 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị P không yêu cầu anh Đào Bá T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Anh Đào Bá T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ,thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003529 ngày 03 tháng 8 năm 2018

Chị Đỗ Thị P, anh Đào Bá T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

<u>Nơi nhận</u>:
TAND thành phố Hà Nội;
VKSND huyện (02 bản);
Các đương sự;
Lưu HS, VP
Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Quý